

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Yên Khánh
Tỉnh Ninh Bình

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/05/ 2019.

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chiến.

2. Bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/ QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; có mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng T; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 3, Trại giam P - Cục 10, Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh T sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 04 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, nghiện ma túy và phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ tháng 06 năm 2014 đến tháng 01 năm 2016 anh T đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy ở trại giam K thì chị có đi thăm nom anh nhưng tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Khi chấp hành xong bản án trở về sinh sống tại địa phương anh T vẫn không cai nghiện được ma túy và anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tháng 08 năm 2018 anh T lại tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt 15 tháng tù. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam P. Trong thời gian này chị không có thời gian thăm hỏi anh T và cũng không quan tâm đến anh T nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Hồng T.

Về con chung (riêng): Chị và anh T có 1 con chung là cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 và chị đang trực tiếp nuôi cháu D. Nay cháu D là con gái lại còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Mặt khác anh T đang chấp hành án trong trại giam sẽ không có điều kiện nuôi dưỡng cháu. Do đó chị đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D. Chị và anh T không ai có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 04 năm 2019 bị đơn là anh Phạm Hồng T trình bày: Anh và chị H sau 02 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng đến ngày 05 tháng 06 năm 2014 anh bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau đó anh bị Tòa án nhân dân huyện Sơn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đi chấp hành án tại trại giam K đến ngày 30 tháng 01 năm 2016 thì chấp hành xong hình phạt. Trong thời gian này chị H có đến thăm nom anh và tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau khi anh ra trại vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì anh không tu chí làm ăn. Đến ngày 22 tháng 08 năm 2018 anh lại bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 27 tháng 11 năm 2018 anh bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xử phạt 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh đang chấp hành án tại trại giam P nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và anh chị không quan tâm đến đời sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung (riêng): Anh chị có 1 con chung là cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ. Do anh đang chấp hành án trong trại giam không có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng cháu. Anh nhất trí giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D. Anh và chị H không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị H không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Phạm Hồng T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Phạm Thị H nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Hồng T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Hồng T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, nghiện ma túy dẫn đến hai lần phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mục đích

hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn xin ly hôn và anh T nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung (riêng): Chị PhạmThị H và anh Phạm Hồng T có 1 con chung là cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016, hiện chị H là người trực tiếp nuôi cháu D. Anh T đang thi hành án tại trại giam Thanh Phong nên không có điều kiện, khả năng kinh tế nuôi con. Do đó chị H và anh T đều đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, đại diện của Hội phụ nữ xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cũng có quan điểm việc giao cháu D cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu D , theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con: Do anh T đang thi hành án tại trại giam Thanh Phong không có điều kiện, khả năng kinh tế nuôi con nên chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Xét thấy việc chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu D. Anh T có quyền đi lại thăm con theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị H và anh T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hồng T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hồng T được ly hôn.

2/ Về con chung : Giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Hồng T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu D và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001996 ngày 12 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình .

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương